TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 405/2023/HNGĐ-ST;
Ngày: 17-11-2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Kim Chi.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 309/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023, của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Cẩm X, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh L, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị X và anh L có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm X trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh L sống chung vào năm 2013, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh L ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, mỗi lần gây gỗ thì anh L hâm dọa hành hung chị làm ảnh

hưởng đến tinh thần của chị đã kéo dài hơn 01 năm nay mặc dù chị đã khuyên can anh L nhiều lần nhưng không khắc phục. Chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 24/6/2015 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/7/2017, hiện tại hai cháu đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu câu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị X về thời gian và địa điểm kết hôn. Còn về quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 mới phát sinh mâu thuẫn do anh hay ghen nên khi cự cải có chửi vợ. Nay anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về tình cảm: Anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Cẩm X.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 24/6/2015 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/7/2017, hiện tại hai cháu đang đi đi về về giữa nhà nội và nhà ngoại. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn con sống với ai tùy con. Nếu con sống với chị X anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm X về yêu cầu ly hôn, về yêu cầu nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh L cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm X yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh L, yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tình cảm: Chị Trần Thị Cẩm X và anh Nguyễn Thanh L sống chung năm 2013, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị X xin ly hôn với anh L với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh L ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, mỗi lần gây gỗ thì anh L hâm dọa hành hung chị X làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị X đã kéo dài hơn 01 năm nay mặc dù chị X đã khuyên can anh L nhiều lần nhưng không khắc phục, chị X và anh L đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Tại phiên tòa, chị X vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh L, anh L không đồng ý ly hôn với chị X vì còn thương chị X nhưng anh L không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm giữa anh chị; mặc khác anh L thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn như chị X trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh L là có thật, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Trần Thị Cẩm X là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 24/6/2015 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/7/2017 của chị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu T và cháu T1 đang sống chủ yếu với chị X đã ổn định về chổ ở, về tâm lí, về điều kiện sinh hoạt và học tập, tại phiên tòa anh L không yêu cầu về nuôi con chung, mặc khác cháu T có nguyện vọng muốn sống với chị X nên cần giao cháu T và cháu T1 cho chị X nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu T1 cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh L

[2.4] Về tài sản chung: Chị X và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị X và anh L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Anh Nguyễn Thanh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm X.

Về tình cảm: Chị Trần Thị Cẩm X được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 24/6/2015 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/7/2017 cho chị Trần Thị Cẩm X nuôi dưỡng cho đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Huyền T, sinh ngày 24/6/2015 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 17/7/2017 mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trân, cháu Trọng đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày chị Trần Thị Cẩm X có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Thanh L không chịu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh L còn phải chịu thêm tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Anh Nguyễn Thanh L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011663 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị X đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân